

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 VÀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030¹

PGS.TS. Nguyễn Văn Minh
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Những kết quả to lớn đạt được trong thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2020 của Đảng và Nhà nước đã giúp cải thiện nhiều mặt đời sống của các tộc người, có ảnh hưởng sâu sắc đến công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta thời gian qua vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để đạt được hiệu quả to lớn hơn, nhất là góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cốt lõi là phát triển quan hệ tốt đẹp của các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc, tăng cường ý thức về cộng đồng quốc gia - dân tộc cho các tộc người và xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, vững mạnh.

Từ khóa: Tộc người, tộc người thiểu số, quốc gia - dân tộc, chính sách dân tộc.

Ngày nhận bài: 26/12/2019; ngày gửi phản biện: 2/1/2020; ngày duyệt đăng: 8/2/2020

Mở đầu

Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc luôn có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ở những quốc gia đa dân tộc (tộc người), trong đó cốt lõi của vấn đề dân tộc ở một quốc gia đa tộc người chính là quan hệ của các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc (từ đây có thể viết tắt là quốc gia). Bởi vì, nếu mối quan hệ này tốt đẹp thì đất nước sẽ ổn định và phát triển, ngược lại, nếu nảy sinh bất đồng, mâu thuẫn sẽ gây mất đoàn kết dân tộc, có thể dẫn đến bạo loạn đòi tự trị - ly khai, còn nghiêm trọng hơn sẽ xảy ra chiến tranh cục bộ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Chính vì vậy, chiến lược xuyên suốt của chính sách dân tộc ở những quốc gia đa tộc người về cơ bản là phát triển quan hệ tốt đẹp giữa người dân của các tộc người với quốc gia - dân tộc, thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng cộng đồng quốc gia thống nhất, vững mạnh.

Ở Việt Nam, từ khi thành lập đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc là: *Đoàn kết toàn dân tộc (quốc gia) là chiến lược của cách mạng Việt Nam; các dân tộc (tộc người) bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.* Nguyên tắc này được thể hiện thành những chủ trương, quan điểm lớn trong các văn bản quan trọng nhất của

¹ Bài viết là kết quả thực hiện đề tài khoa học cấp Cơ sở năm 2020 “Một số vấn đề tộc người trong phát triển cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam” do Viện Dân tộc học quản lý, ThS. Trần Thu Hiếu và CN. Không Thị Kim Anh làm Đồng chủ nhiệm.

đất nước, đặc biệt là Hiến pháp và những Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng cũng như được cụ thể hóa qua thực hiện các chính sách cụ thể ở từng tộc người, từng địa phương và trên cả nước trong các thời kỳ lịch sử.

Chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2020² của nước ta được chia thành 3 nhóm lớn, gồm: (1) *Nhóm chính sách theo tộc người và nhóm tộc người mang tính đặc thù*; (2) *Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, theo địa bàn*; (3) *Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo lĩnh vực, theo ngành*. Các chính sách đã bao quát tương đối đầy đủ những nội dung cần hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội của một số tộc người và ở vùng tộc người thiểu số. Những kết quả to lớn đạt được của thực hiện chính sách dân tộc đã góp phần cải thiện nhiều mặt đời sống của các tộc người, có ảnh hưởng sâu sắc đến công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta thời gian qua vẫn còn những hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để đạt được hiệu quả to lớn và sâu sắc hơn. Trong đó, đáng chú ý nhất là, tuy chúng ta đã đặt nội dung giải quyết hài hòa quan hệ giữa các tộc người nhưng lại chưa đặt vấn đề phát triển mối quan hệ tốt đẹp của các tộc người với cộng đồng quốc gia, tăng cường ý thức quốc gia là trọng điểm cốt lõi nhất. Vì vậy, việc thực hiện chính sách dân tộc còn chưa hoàn toàn tập trung vào chiến lược xây dựng cộng đồng quốc gia thống nhất, mà trong thực tế vẫn còn ẩn chứa một số yếu tố gây tâm lý so bì, tư tưởng cục bộ trong nội bộ một số tộc người, giữa một số tộc người với nhau và với cộng đồng quốc gia - dân tộc khi cùng trên một địa bàn nhưng được tham gia và hưởng lợi từ chính sách khác nhau.

1. Đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2020

1.1. Một số thành tựu chủ yếu của thực hiện chính sách dân tộc

* Một là, chính sách dân tộc đã góp phần nâng cao ý thức tộc người và quan hệ trong nội bộ tộc người; phát triển quan hệ giữa các tộc người; tăng cường ý thức quốc gia và quan hệ của các tộc người với quốc gia cũng như quan hệ của các tộc người với Đảng và Nhà nước, thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Hơn nữa, chính sách dân tộc còn góp phần xử lý thành công các vấn đề dân tộc nhạy cảm, những điểm nóng ở vùng tộc người thiểu số (TNTS), không để xảy ra tình trạng xung đột, bạo loạn ở một số nơi như thời kỳ trước. Qua đó, đảm bảo ổn định chính trị xã hội và quốc phòng an ninh ở vùng TNTS, vùng biên cương, giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đồng bào các tộc người tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và chính sách của Nhà nước; tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố và tăng cường.

* Hai là, chính sách dân tộc đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh con người, trên cơ sở đó xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho các tộc người và cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, chính sách dân tộc đã góp phần giải quyết cơ bản những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất ở vùng TNTS, như: kinh tế những năm qua có sự tăng trưởng nhanh chóng và xóa

² Giai đoạn 2011 - 2020, ở nước ta có tất cả 161 chính sách dân tộc, liên quan đến các TNTS và vùng TNTS được ban hành. Đến tháng 2/2020 còn 118 chính sách đang có hiệu lực thi hành, trong đó 54 chính sách trực tiếp cho các TNTS và vùng TNTS, 64 chính sách chung nhưng có ưu tiên cho các tộc người thiểu số. Ngoài ra còn 21 chương trình mục tiêu có nội dung liên quan đến các TNTS và vùng TNTS.

đói giảm nghèo đạt được những thành tựu ấn tượng to lớn; cơ sở hạ tầng từng bước được hoàn thiện và đồng bộ hóa; tư liệu sản xuất thiết yếu như đất, rừng, nước của người dân dần được đảm bảo; hệ thống y tế và chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân được cải thiện; chất lượng giáo dục, đào tạo và nguồn lực con người được nâng cao; đào tạo nghề và giải quyết việc làm có những chuyển biến tích cực; thông tin truyền thông phát triển mạnh mẽ; công tác trợ giúp xã hội và các dịch vụ công phát triển mạnh đã góp phần giải quyết đáng kể những khó khăn cơ bản của người dân;... Qua đó từng bước tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng cho các tộc người, nhất là những cộng đồng còn ở trình độ kinh tế - xã hội thấp, có dân số rất ít người, cư trú ở những địa bàn khó khăn.

** Ba là, chính sách dân tộc đã góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, đồng thời phát triển văn hóa quốc gia, nhất là tăng cường ngôn ngữ quốc gia và biểu tượng quốc gia ở các TNTS, vùng biên giới. Trên cơ sở đó tạo nền tảng xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất trong đa dạng.* Theo đó, những giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người đang được quan tâm bảo tồn và phát huy, nhất là khôi phục các lễ hội truyền thống, tổ chức liên hoan văn hóa, nghệ thuật, thể thao khu vực, thi trang phục và ẩm thực truyền thống các dân tộc Việt Nam,... Đồng thời tăng cường các giá trị, biểu tượng và yếu tố chung của văn hóa Việt Nam tiếp nối được những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại.

** Bốn là, chính sách dân tộc đã góp phần phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ các TNTS, nhất là người tại chỗ, các tộc người có dân số rất ít, cư trú ở những địa bàn khó khăn, vùng biên giới, hải đảo để phục vụ nhu cầu công tác của địa phương.* Đặc biệt là quyền bình đẳng về chính trị của các tộc người không chỉ được thừa nhận trong những văn kiện, Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, mà quan trọng hơn là đã đi vào thực tiễn, đó là quyền làm chủ đất nước. Các tộc người đều có quyền tham gia chính quyền (tham chính), quản lý xã hội, phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ và hưởng dụng các nguồn tài nguyên,... Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các TNTS trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở đã tăng lên về số lượng và nâng cao chất lượng, trong đó có không ít cán bộ là lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Mặt trận tổ quốc.

** Năm là, chính sách dân tộc đã góp phần quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển sản xuất và đời sống cho người dân các tộc người.* Việc đẩy mạnh thực thi Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Chiến lược Biển... cũng như những chính sách cụ thể về quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, rừng, nước... vốn là tài sản và nguồn tư liệu sản xuất thiết yếu của đại bộ phận người dân từng bước đi vào cuộc sống, đã góp phần hỗ trợ và giải quyết một phần khó khăn, bức xúc cho một bộ phận người dân bị mất đất, thiếu đất sản xuất và đất ở trong quá trình phát triển, đồng thời bảo vệ môi trường sống và không gian sinh tồn cho người dân.

** Sáu là, những thành tựu đạt được trong thực hiện chính sách dân tộc những năm qua đã góp phần nâng cao vị thế của Đảng và Nhà nước ta trên trường quốc tế cũng như ảnh hưởng của Việt Nam với cộng đồng thế giới nói chung và trong khu vực nói riêng.* Nhờ đó, cộng đồng quốc tế đã ghi nhận và đánh giá rất cao hệ thống chính sách dân tộc tốt đẹp, khá toàn diện và đồng bộ của Đảng và Nhà nước ta dành cho các TNTS, nhất là những tộc người có dân số rất ít, cư trú ở vùng đặc biệt khó

khăn; coi những thành tựu về xóa đói, giảm nghèo mà Việt Nam đạt được là hình mẫu cho nhiều quốc gia chậm phát triển và đang phát triển học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

1.2. Một số hạn chế cơ bản của thực hiện chính sách dân tộc

* Một là, chính sách dân tộc chưa được thực hiện tổng thể và thực sự đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ cốt lõi là phát triển quan hệ dân tộc, nhất là quan hệ của các tộc người với quốc gia nhằm góp phần tăng cường ý thức quốc gia và xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, thực hiện Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, mà còn bị phân tán bởi nhu cầu và lợi ích của các bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương, tộc người..., dẫn đến tâm lý so bì, tư tưởng phân ly cục bộ trong một bộ phận quần chúng nhân dân, thậm chí giữa các bộ, ngành và địa phương. Do chính sách tập trung vào một số tộc người có vấn đề “nhạy cảm”, dân số ít và những địa bàn “nóng”, nên chưa giải quyết được triệt để sự công bằng về lợi ích và bình đẳng trong cơ hội phát triển của các tộc người, cho những đối tượng cùng một địa bàn. Vì vậy, trở thành nhân tố gây ra tâm lý so bì về quyền lợi, nghĩa vụ giữa một số tộc người và nhóm dân cư, dẫn đến nảy sinh bất đồng cục bộ, tâm lý phân ly trong quan hệ nội bộ tộc người (như một số nhóm địa phương muốn tách ra thành tộc người riêng để được hưởng lợi từ chính sách), giữa một số TNTS với nhau trong cùng địa bàn nhưng được tham gia và hưởng lợi chính sách khác nhau, giữa người dân các tộc người với chính quyền ở một số địa phương. Thậm chí ở một số ít nơi, một bộ phận nhỏ người dân còn nảy sinh tâm lý muốn “tạo ra các điểm nóng” để nhận được sự quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn từ Nhà nước.

* Hai là, chính sách dân tộc góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh nhưng còn thiếu bền vững, hiệu quả thấp so với mức đầu tư; điều kiện cơ sở hạ tầng, chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, y tế và chăm sóc sức khỏe, thông tin truyền thông, dịch vụ an sinh xã hội còn chưa đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân ở một số vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Trong đó, chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động và hiệu quả đầu tư đều thấp; phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều và thiếu bền vững làm gia tăng sự phân hóa xã hội và khoảng cách giàu nghèo giữa các tộc người, các địa phương, dẫn tới không chỉ tỷ lệ hộ nghèo của các TNTS hiện rất cao (chiếm gần 53% tổng số hộ nghèo cả nước trong khi dân số chỉ có trên 14%) mà còn mức độ nghèo sâu sắc nhất, thời gian nghèo dài nhất,... Đặc biệt, ở vùng sâu, vùng biên giới hiện đang là “lỗi nghèo” của nước ta và xu hướng này ngày càng gia tăng khiến nhiều hộ gia đình, nhiều địa phương khó có thể thoát nghèo. Điều kiện cơ sở hạ tầng, chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, y tế và chăm sóc sức khỏe, thông tin truyền thông, dịch vụ an sinh xã hội, hỗ trợ pháp lý... còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

* Ba là, chính sách quản lý xã hội, dân số, dân cư và tài nguyên thiên nhiên chưa hiệu quả cũng như an ninh con người còn nhiều bất cập, tiềm ẩn những hệ lụy cho phát triển bền vững. Do bất cập của chính sách quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, không khai thác tốt nguồn tri thức và sự tham gia của các cộng đồng tộc người, cùng với đó là tác động của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa, điện khí hóa, biến động dân cư và suy thoái do khai thác cạn kiệt tài nguyên vì mục tiêu kinh tế trước mắt, nên đã gây ra tình trạng suy giảm chất lượng môi trường sống, không gian sinh tồn bị thu hẹp, một bộ phận người dân còn thiếu tư liệu sản xuất thiết yếu, không đủ việc làm phải rời xa

gia đình và cộng đồng quê hương để mưu sinh, thậm chí phải vượt biên trái phép để đi làm thuê ở nước ngoài vừa chịu nhiều rủi ro cá nhân đồng thời ẩn chứa nhiều hệ lụy lâu dài cho quốc gia - dân tộc. Trong khi nhiều doanh nghiệp cả trong nước và nước ngoài lại thu hút một lượng lao động khá lớn từ nơi khác đến - chủ yếu từ quê hương của chủ doanh nghiệp, bộ phận ở lại quê hương thì không ít người phải chịu cảnh “phát canh thu tô” hay làm thuê kiếm sống ngay trên đất đai của mình, dẫn đến tình trạng tranh chấp, khiếu kiện đất đai diễn biến phức tạp, nhiều cấp độ giữa người dân với nhau, giữa người dân với các tổ chức kinh tế, giữa các tổ chức kinh tế với chính quyền địa phương, giữa những cộng đồng dân cư với nhau,... Cùng với đó, tệ nạn xã hội, tội phạm, nhất là liên quan đến ma túy có xu hướng tăng lên với diễn biến phức tạp và gây ra những hệ lụy đau thương cho nhiều gia đình ở một số địa phương và tộc người; tính thân tộc, đồng tộc, đồng hương, liên tộc người, liên biên giới và xuyên quốc gia của các loại hình tội phạm và tệ nạn xã hội ngày càng mở rộng, chặt chẽ.

** Bốn là, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ ở nhiều địa phương còn yếu, chưa thực sự vững mạnh, hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác thấp, nhất là ở các tộc người có dân số rất ít, bộ phận dân cư ở vùng sâu, vùng biên giới và hải đảo, đặt ra yêu cầu cấp bách về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ vững mạnh, hoạt động hiệu quả hơn đáp ứng được yêu cầu của đất nước hiện nay. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của các tộc người thiểu số trong chính quyền cấp huyện, cấp tỉnh tại những địa phương có đông đồng bào TNTS còn thấp, lần lượt khoảng 10,9% và 11,32%. Dù đã nỗ lực, song so với đòi hỏi của thực tế, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các TNTS chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đề ra, nhất là cán bộ nữ, các TNTS có dân số rất ít, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, ven biển, hải đảo.*

** Năm là, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các TNTS, nhất là các tộc người có dân số rất ít và nhóm địa phương có nguy cơ mất bản sắc tộc người tuy tăng cường tính đa dạng văn hóa, ý thức tộc người và nhóm tộc người riêng, nhưng lại làm suy giảm ý thức quốc gia, tính thống nhất quốc gia và văn hóa quốc gia..., gây trở ngại trước mắt và lâu dài cho xây dựng nền văn hóa quốc gia Việt Nam thống nhất trong đa dạng, trong khi nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các tộc người và văn hóa quốc gia tiếp tục bị mai một. Nguồn lực đầu tư hỗ trợ bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của các TNTS và văn hóa quốc gia còn hạn chế, trong khi việc sử dụng nguồn lực đó lại thiếu hợp lý như tập trung cho tổ chức các lễ hội và liên hoan văn hóa ở các cấp..., nên chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, nhất là vùng biên giới, hải đảo. Đội ngũ cán bộ quản lý và làm công tác văn hoá vùng đồng bào TNTS còn thiếu và yếu; số lượng nghệ nhân, văn nghệ sĩ và người có uy tín thực sự có chất lượng của các TNTS rất ít và ngày càng giảm, trong khi chế độ chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng nên không phát huy được hết giá trị của đội ngũ trí thức dân tộc thiểu số. Do tác động của mặt trái cơ chế thị trường, xu thế mở cửa hội nhập và toàn cầu hóa đã ảnh hưởng lớn đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia, gây nguy cơ phai mờ bản sắc văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia rất cao, nên cần nhanh chóng được hướng dẫn, hỗ trợ bảo tồn, phát huy trong cuộc sống đương đại.*

** Sáu là, các vấn đề tôn giáo tín ngưỡng ở vùng TNTS diễn biến ngày càng nhanh chóng, mạnh mẽ, phức tạp, ẩn chứa nhiều nguy cơ tác động tiêu cực đến ổn định và đồng thuận xã hội. Đặc biệt là quá trình hình thành các cộng đồng tôn giáo liên kết theo tộc người, liên tộc người, liên vùng, liên biên*

giới và xuyên quốc gia ngày càng phát triển, có ảnh hưởng mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực ở nhiều địa phương, nhất là vùng biên giới. Đồng thời, các hiện tượng tôn giáo mới cũng nảy sinh và phát triển mạnh mẽ trên cả nước, nhất là vùng TNTS đã gây ra những tác động tiêu cực ở nhiều địa phương.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

* Thứ nhất, chính sách dân tộc thời gian qua còn nặng về phát triển kinh tế với mục tiêu ngắn hạn, chưa chú trọng đúng mức đến các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường gắn với ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng an ninh. Trong đó, đặc biệt chưa thực sự tập trung vào mục tiêu và nhiệm vụ cốt lõi là góp phần phát triển quan hệ tốt đẹp của các tộc người với cộng đồng quốc gia, nhằm tăng cường ý thức quốc gia và xây dựng cộng đồng quốc gia thống nhất cũng như thực hiện Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, mà còn bị phân tán bởi nhu cầu và lợi ích của các bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương, tộc người. Do đó, trong nhận thức về thực hiện chính sách dân tộc không chỉ chưa đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ cốt lõi nêu trên mà còn chưa thực sự chú trọng đúng mức và quan tâm sâu sắc đến thực hiện nguyên tắc “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc (tộc người)”. Vì vậy, chính sách dân tộc thời gian qua vẫn còn tình trạng mạnh ai nấy làm nên manh mún, chông chéo và ẩn chứa yếu tố gây tư tưởng phân ly, tâm lý so bì giữa các tộc người, nhóm dân cư, địa phương, tôn giáo, thậm chí giữa các bộ, ngành, lĩnh vực như đã nêu ở trên.

* Thứ hai, chính sách dân tộc vẫn được thực hiện theo tư duy cũ không còn phù hợp, nhất là mang nặng tính hỗ trợ cho không nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn trước mắt cho người dân gặp khó khăn, giải quyết các “điểm nóng”, mà chưa tập trung phát huy tính chủ động, sáng tạo, khả năng và sức mạnh nội lực tự vươn lên của người dân, nhất là của các TNTS rất ít người và bộ phận còn ở trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp. Vì thế, chính sách dân tộc hiện nay vẫn thường theo tư duy bao cấp và cơ chế xin - cho, nặng về hỗ trợ - cho không, chưa kiến tạo được nhiều cơ sở cho phát triển. Mục tiêu chủ yếu nhằm giải quyết tình thế ở một số tộc người và vấn đề dân tộc “nhạy cảm”, những địa bàn “nóng”..., nên thường có hiệu quả tức thời và trong ngắn hạn. Do đó, trong quá trình thực hiện thường nảy sinh bất cập, nhất là làm giảm sự năng động của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp; chưa phát huy được nội lực, ý thức tự cường của một bộ phận đông đảo các TNTS - thể hiện qua tư tưởng “giữ địa phương nghèo và hộ nghèo” để được hỗ trợ. Thậm chí ở một số ít nơi còn có một bộ phận nhỏ người dân nảy sinh tâm lý “cố tình tạo điểm nóng” để được Nhà nước quan tâm.

* Thứ ba, chưa xác định rõ vị trí, mục tiêu và nhiệm vụ cốt lõi của chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách quốc gia, cho nên còn lẫn lộn, chông chéo với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và chưa có tính đột phá, cơ chế đặc thù phù hợp, dẫn đến hiệu quả thấp. Đặc biệt là chưa xác định được chính sách dân tộc cần thực hiện theo VÙNG là chính (mọi người dân trên cùng địa bàn đều được tham gia và hưởng lợi như nhau), trong đó cần chú ý nhất đến các vùng chiến lược trọng yếu của quốc gia như biên giới, hải đảo và những vùng có điều kiện khó khăn, phát triển còn thấp. Do vậy, nhiều chính sách dân tộc chưa thật rõ ràng là chính sách độc lập hay một bộ phận của chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phần lớn chính sách dân tộc còn lẫn lộn với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng TNTS, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,... Vì vậy, chưa có cơ chế đặc thù và chiến lược đột phá trong thực hiện chính sách; chưa tập trung thực hiện chiến lược phát

triển tổng thể với tầm nhìn dài hạn, mang tính căn cốt, lâu dài cho các tộc người nói chung và bộ phận dân cư còn ở trình độ phát triển thấp, cư trú ở những địa bàn khó khăn, vùng xung yếu có yếu tố đặc thù nói riêng. Riêng vùng biên giới nước ta chưa thực sự được quan tâm thỏa đáng, trong khi ở nhiều nước, nhất là Trung Quốc nhiều năm qua đã liên tục đẩy mạnh thực hiện hệ thống chiến lược và chính sách phát triển đồng bộ vùng biên cương nói chung và các tộc người ở đó nói riêng, đồng thời tăng cường ảnh hưởng biên giới mềm/sức mạnh mềm sang các quốc gia láng giềng, các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng mạnh nhất. Đặc biệt là quan hệ tộc người liên biên giới và xuyên quốc gia giữa Việt Nam - Trung Quốc ngày càng gia tăng nhanh chóng, mà chủ yếu là một bộ phận người dân ở phía Việt Nam sang Trung Quốc làm ăn và chịu tác động nhiều mặt của bên ngoài, gây ảnh hưởng đến văn hóa và tâm lý - ý thức tộc người cũng như văn hóa và tâm lý - ý thức quốc gia.

Nội dung nhiều chính sách còn chồng chéo³, dàn trải, mang tính tư duy nhiệm kỳ, nhóm lợi ích; nặng về lý thuyết và nhận thức chủ quan của người lập chính sách nên ít phù hợp với đặc điểm vùng TNTS và đời sống của người dân; giải quyết một số vấn đề nóng, nhạy cảm còn thiếu triệt để, chưa toàn diện, không thấu đáo đúng bản chất, nên chưa thực sự đáp ứng được đầy đủ nguyện vọng của người dân, đặc biệt là vấn đề đất đai - luôn là tài sản, tư liệu sản xuất quan trọng nhất của người dân hiện đang nổi lên nhiều vấn đề bức xúc cần giải quyết thấu tình, đạt lý.

Bố trí các nguồn lực thực hiện chính sách chưa hợp lý, nhất là các chính sách dân tộc thường có mục tiêu lớn, đối tượng thụ hưởng nhiều, quy mô thực hiện rộng..., nhưng mức đầu tư thấp, cấp vốn chậm và nhỏ giọt, thời gian thực hiện ngắn, tư tưởng cào bằng và cơ chế xin - cho nặng về nhóm lợi ích; chưa đồng bộ giữa vốn vay, vốn sự nghiệp, vốn đầu tư;... Trong khi chính sách dân tộc thực hiện ở các vùng có điều kiện tự nhiên khó khăn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp nên cần nguồn lực đầu tư lớn, lâu dài mới phát huy được hiệu quả.

Chính sách đầu tư, cơ chế tài chính đặc thù chưa đủ mạnh và phù hợp cho những vùng trọng yếu như biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Thiếu chính sách đột phá về đầu tư tài chính, hỗ trợ khoa học kỹ thuật để phát triển những khu vực sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh cho các vùng TNTS; chính sách hỗ trợ liên kết vùng sản xuất với hình thành chuỗi sản phẩm, thị trường tiêu thụ còn yếu, nhất là cho các vùng TNTS.

** Thứ tư, chính sách dân tộc được hoạch định và thực hiện dựa trên và chịu tác động mạnh mẽ của các “định kiến/thiên kiến” không đúng về các TNTS, nên còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của các tộc người, các vùng miền..., nên khó áp dụng vào thực tiễn, hiệu quả không cao, đã có những tác động hạn chế đến hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc. Do địa bàn cư trú, quá trình tộc người có nhiều thuận lợi, nên người Kinh và một bộ phận TNTS có trình độ phát triển hơn các tộc người và bộ phận TNTS khác. Cũng trong quá trình đó, do khác biệt về hoạt động kinh tế, đặc điểm văn hóa và quản lý xã hội nên đã nảy sinh sự thiếu hiểu biết thấu đáo về cách thức ứng phó, thích nghi với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa*

³ Cụ thể như trong số 118 chính sách dân tộc hiện còn hiệu lực vào tháng 2/2020 thì có tới 19 chính sách liên quan đến giáo dục, 10 chính sách liên quan đến công tác cán bộ, 9 chính sách liên quan đến lâm nghiệp.

của các tộc người. Điều này khiến cho những tộc người và bộ phận dân cư có điều kiện phát triển cao hơn, nhanh hơn, thường vướng vào nhận thức mang tính “định kiến”, thiếu hiểu biết đầy đủ về các tộc người khác khi cho rằng: các TNTS/người dân tộc thiểu số thường có tín ngưỡng “huyền bí và mê tín”; thực hành nhiều nghi lễ cúng bái gây lãng phí tiền của; thiếu kinh nghiệm sản xuất, không biết chi tiêu, chậm tiếp thu khoa học kỹ thuật; có tâm lý “y lại vào Nhà nước, trông chờ bên ngoài, không có chí tiến thủ, thậm chí lười biếng”; có tính “cả tin” nên dễ bị lôi kéo vào các hoạt động trái pháp luật và tệ nạn xã hội;...

Do các tộc người và bộ phận dân cư có trình độ phát triển cao hơn và nhanh hơn thường có trình độ giáo dục và bằng cấp cao hơn, nên số lượng cán bộ tham gia trong hệ thống chính trị các cấp do vậy cũng nhiều hơn, vì vậy mức độ tham gia vào quá trình hoạch định và triển khai chính sách cũng cao hơn. Cho nên, vô hình trung chính sách của chúng ta nói chung và chính sách dân tộc nói riêng ngay từ trong hoạch định cũng đã ít nhiều chịu ảnh hưởng nhất định của những nhận thức/suy luận còn mang tính phiến diện/chủ quan như đã trình bày ở trên. Do đó, thực tế cho thấy, một số chính sách còn nặng tính quan liêu, chủ quan áp đặt từ trên xuống, từ ngoài vào, mà chủ yếu là lấy chuẩn mực chung của xã hội, của người Kinh đa số, của tộc người phát triển ở trong vùng, từ vùng đồng bằng, đô thị, của bộ phận dân cư đã phát triển để áp dụng cho các TNTS. Đồng thời thường xây dựng một chính sách chung và áp dụng cho tất cả các tộc người, các vùng miền,... Do đó, các chính sách ấy chưa thực sự phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của các TNTS, người dân ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, ven biển, hải đảo - những nơi luôn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong đời sống và quá trình phát triển.

Hơn thế nữa, chính sách dân tộc ở nước ta từ trước đến nay luôn được thực hiện bởi một hệ thống bộ máy hành chính công kênh, thông qua nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối tham gia và quản lý, chậm đổi mới và ít thích ứng với thực tế, hoạt động ít hiệu quả, lại thêm thực hiện lồng ghép các chính sách với nhau nên rất khó phân định, đánh giá;... Do đó, hiệu quả đầu tư thấp, thất thoát lãng phí lớn do đồng thời thực hiện nhiều chính sách đơn lẻ, thông qua nhiều tầng nấc và khâu trung gian mà không đến trực tiếp người dân thụ hưởng. Chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng TNTS còn bị lợi ích nhóm, tư tưởng cục bộ địa phương, vì quyền lực của từng bộ, ngành chi phối..., nên đã có những tác động hạn chế đến hiệu quả thực hiện chính sách.

Những hạn chế, bất cập trên đã khiến cho một số chính sách tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta dành cho các TNTS, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn chưa thực sự đi vào thực tiễn đời sống, mang nặng tính ban ơn, hỗ trợ cho không thể giải quyết một số nhu cầu cấp thiết do đời sống khó khăn trước mắt gây ra; chưa phát huy được đầy đủ sức mạnh nội lực, ý thức tự lực tự cường vươn lên của người dân, thậm chí còn gây tâm lý “tồn thương” và cảm giác “tự ti” cho một bộ phận người dân các TNTS,... Do vậy, một số chính sách chưa phát huy được tính chủ động và tích cực của người dân tham gia vào quá trình triển khai, giám sát, đánh giá và thụ hưởng hiệu quả thực hiện; còn chậm đổi mới, nhiều hạn chế, sơ hở, bất cập, khó áp dụng vào thực tiễn, thiếu tập trung, chông chéo, dẫn đến hiệu quả thấp, đồng thời dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc chống phá.

** Thứ năm, nhận thức về vị trí của chính sách dân tộc trong hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ còn hạn chế, dẫn đến việc xem nhẹ vai trò của chính sách dân tộc trong hệ thống chính sách quốc*

gia, thậm chí bị xem là chính sách phụ. Chính vì vậy, một số bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, Chiến lược công tác dân tộc. Công tác tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện chính sách còn thiếu quy hoạch tổng thể, cơ chế phối hợp đồng bộ, thống nhất chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương và cộng đồng dân cư. Thiếu cơ chế phối hợp nghiên cứu tư vấn xây dựng, thực hiện, đánh giá chính sách giữa các cơ quan thực thi và tổ chức khoa học. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá sơ kết, tổng kết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách dân tộc không chỉ chậm so với sự thay đổi của xã hội, mà còn thiếu tính chính xác, chưa thực sự nghiêm túc đối với các hạn chế yếu kém, có tư tưởng nôn nóng chạy theo thành tích, do đó hiệu quả chính sách kém bền vững. Đặc biệt, công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách dân tộc còn yếu kém, nên đa phần người dân không biết đến chính sách dân tộc đang thực hiện trên địa bàn và bản thân đã hoặc đang được thụ hưởng.

3. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030

3.1. Quan điểm thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030

** Thứ nhất, cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cốt lõi, xuyên suốt của chính sách dân tộc là phát triển quan hệ của các tộc người với quốc gia, nhằm tăng cường ý thức quốc gia cho các tộc người và xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh, thực hiện thành công Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, thực hiện chính sách dân tộc là nhằm phát triển toàn diện về mọi mặt cho tất cả các tộc người ở nước ta, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến bộ phận dân cư còn ở trình độ phát triển thấp, cư trú tại những địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng chiến lược trọng yếu có tính đặc thù như biên giới và hải đảo, nhưng phải đảm bảo tăng cường xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh, không để xảy ra tư tưởng phân ly, tâm lý so bì giữa các tộc người, các địa phương, các bộ, ngành và lĩnh vực. Quá trình phát triển đó, đặc biệt là về kinh tế - xã hội cần đảm bảo bình đẳng giữa các tộc người trong cùng một địa bàn và trên cả nước; sự phát triển của mỗi tộc người không được tách rời với sự phát triển của những tộc người khác và với quốc gia. Vì vậy, chính sách dân tộc không nên chú trọng vào từng tộc người hay một số nhóm dân cư ở các địa phương riêng lẻ, mà cần thực hiện một cách tổng thể, toàn diện, đồng bộ và triệt để theo VÙNG (tất cả các đối tượng trên cùng một địa bàn đều được tham gia và hưởng lợi như nhau), trong đó đặc biệt chú ý vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.*

** Thứ hai, thực hiện chính sách dân tộc cần thay đổi tư duy cũ chủ yếu là hỗ trợ - cho không nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn trước mắt cho người dân gặp khó khăn và giải quyết các “điểm nóng” là chính; bỏ các định kiến/thiên kiến không đúng về các TNTS để tập trung khai thác có hiệu quả tối đa những tiềm năng thế mạnh, phát huy nội lực của đồng bào các tộc người để xây dựng cơ sở vững chắc về vật chất và tinh thần cho các tộc người chủ động tham gia thực chất và hưởng lợi trong quá trình Đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế thành công. Do đó, chính sách dân tộc cần coi người dân (bao gồm cả các cộng đồng ở những vùng đặc biệt khó khăn và kém phát triển nhất) là các chủ thể sáng tạo, chủ thể khởi nghiệp (không chỉ đơn thuần là đối tượng nhận hỗ trợ và thụ hưởng chính sách). Vì vậy, chính sách phải kiến tạo cơ hội, là động lực thúc đẩy năng lực nội sinh, vai trò tự thân, chủ động sáng tạo, ý chí vươn lên vượt khó, khởi nghiệp của người dân và cộng đồng dân cư phù hợp với đặc điểm, tiềm năng và điều kiện của mình.*

* *Thứ ba, cần xác định rõ chính sách dân tộc là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính sách quốc gia nhưng độc lập với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng TNTS, có mục tiêu cốt lõi là phát triển các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp và xây dựng cộng đồng quốc gia đa tộc người Việt Nam (nói cách khác, phát triển kinh tế - xã hội là giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu cốt lõi này), được thực hiện ở những địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia và bộ phận dân cư có yếu tố đặc thù rất khó khăn cho phát triển (như vùng biên giới và hải đảo), do đó cần tránh sự lẫn lộn, chông chéo đồng thời phải xây dựng được cơ chế đầu tư, hỗ trợ mạnh mẽ, tập trung, lâu dài thì mới đạt hiệu quả cao. Theo đó, chính sách dân tộc cần tập trung vào mục tiêu và nhiệm vụ cốt lõi là tăng cường ý thức quốc gia, văn hóa quốc gia, ngôn ngữ quốc gia, biểu tượng quốc gia, thiết chế quản trị quốc gia... cho các tộc người và phát triển quan hệ của các tộc người với quốc gia, nhất là những TNTS hội nhập vào quốc gia Việt Nam muộn, cư trú dọc biên giới và có nguồn gốc cũng như còn giữ quan hệ với đồng tộc và tộc người khác ở phía bên kia biên giới, nhằm góp phần xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất. Đồng thời, dành riêng sự hỗ trợ thỏa đáng cho người dân sinh sống ở những vùng đặc biệt khó khăn còn ở trình độ phát triển thấp, vùng biên giới và hải đảo cần sự đầu tư một số nguồn lực cần thiết nhằm phát triển nhanh hơn, bền vững hơn để hội nhập thực chất cùng quốc gia trong quá trình đổi mới đất nước.*

* *Thứ tư, cần thu hút, huy động mọi nguồn lực của đất nước và quốc tế, sự chủ động tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân ở trong và ngoài nước cùng chung sức, đồng lòng thực hiện chính sách dân tộc. Đặc biệt chú ý đến việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người nước ngoài ở Việt Nam.*

* *Thứ năm, cần tăng cường thông tin tuyên truyền về chính sách dân tộc và trao quyền để người dân, các cộng đồng dân cư thực sự được biết, được bàn, được tham gia thực hiện, được kiểm tra giám sát, được thụ hưởng và tiếp tục duy trì những thành quả của chính sách dân tộc đạt được thời gian qua. Đặc biệt không để tồn tại trong nhận thức của một bộ phận cán bộ cho rằng: “người dân các TNTS có trình độ dân trí thấp nên biết gì mà bàn, mà làm, mà kiểm tra, giám sát”.*

3.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030

Qua các vấn đề nêu trên cho thấy, đất nước ta hiện nay cần xây dựng được “Chiến lược phát triển tổng thể các tộc người ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 nhằm xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, vững mạnh” để tập trung các nguồn lực thực hiện thành công “Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” đã được Quốc Hội phê duyệt theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2020 Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, và hiện đang giao cho Ủy ban Dân tộc chủ trì xây dựng “Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” để bắt đầu thực hiện từ năm 2021. Trong đó, cần tập trung thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sau:

* *Thứ nhất, trong năm 2020, cần tiến hành rà soát, đánh giá tất cả 118 chính sách dân tộc đang thực hiện trên cả nước, để từ năm 2021 cương quyết bãi bỏ những chính sách không còn phù hợp, kém hiệu quả, chông chéo, lẫn lộn với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời giảm đầu*

mối cơ quan thực hiện và quản lý chính sách, để chỉ tập trung nguồn lực tiếp tục thực hiện một số chính sách lớn - các chương trình mục tiêu quốc gia đáp ứng được mục tiêu và nhiệm vụ cốt lõi là phát triển các tộc người, đồng thời phải tăng cường ý thức quốc gia, phát triển quan hệ của các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc, xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh, thực hiện thành công Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.

* Thứ hai, đồng thời với việc rà soát chính sách hiện có thì trong năm 2020 tập trung xây dựng “Chiến lược phát triển tổng thể các tộc người ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 nhằm xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, vững mạnh” và “Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”. Trên cơ sở Chiến lược và Chương trình tổng thể này, các bộ, ban, ngành và địa phương lấy đó làm cơ sở để xây dựng và thực hiện những chính sách dân tộc cụ thể (các đề án, dự án, kế hoạch...) cho giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 và 10 năm 2021 - 2030. Do đó, từ nay đến hết năm 2020, khi chưa xây dựng được Chiến lược và Chương trình tổng thể này thì không cần bổ sung thêm chính sách dân tộc mới.

Trong Chiến lược và Chương trình tổng thể nói trên, cần có những định hướng chính sách phát triển toàn diện, đồng bộ cho 54 tộc người trên cả nước, đồng thời có các chính sách cụ thể về từng lĩnh vực phù hợp cho từng vùng theo nguyên tắc đảm bảo các TNTS và đa số, người tại chỗ và người mới đến, người có đạo và người không theo tôn giáo... trong cùng một địa bàn đều được tham gia và hưởng lợi bình đẳng, công bằng về cơ hội phát triển. Đặc biệt, trong nội dung chính của Chiến lược và Chương trình tổng thể này cần chú trọng các mục tiêu, nhiệm vụ chính sau đây:

- Đẩy mạnh phát triển chất lượng nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ vững mạnh, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả chính sách đầu tư.

- Tăng cường phát triển các mối quan hệ dân tộc truyền thống tốt đẹp, nhất là mối quan hệ chiến lược của người dân các tộc người với cộng đồng quốc gia Việt Nam; tập trung xây dựng, củng cố những nhân tố gắn bó các tộc người với nhau và với Tổ quốc, vun đắp thêm lòng tự hào dân tộc và chủ nghĩa yêu nước chân chính cho người Việt Nam ở trong và ngoài nước.

- Tiếp tục chú ý bảo tồn, phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa của từng tộc người, song cần tập trung sâu sắc và hiệu quả hơn vào phát triển những giá trị và biểu tượng chung của văn hóa quốc gia, ngôn ngữ quốc gia, thiết chế quản trị quốc gia... để góp phần tăng cường ý thức quốc gia - ý thức công dân, ý thức về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

- Gắn kết hài hòa và hiệu quả hơn nữa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, bảo đảm an ninh con người, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc cũng như bảo vệ môi trường sống gắn với giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng an ninh. Hạn chế dần sự bất bình đẳng trong phát triển và phân hóa xã hội, nhất là khoảng cách giàu nghèo giữa các tộc người, các vùng miền, giữa các bộ phận dân cư ở trong nước với nhau và với đồng tộc của họ cũng như với tộc người khác ở bên kia biên giới, nhất là làm sao để người dân có việc làm, thu nhập đủ để sinh sống ngay trên chính quê hương của mình.

- Tăng cường quản lý dân số, dân cư để xây dựng các cộng đồng dân cư vững mạnh gắn với tăng cường an ninh quốc phòng toàn dân và biên giới lòng dân, đồng thời giảm tệ nạn xã hội và tội phạm. Phát triển bình đẳng các tôn giáo theo quy định của pháp luật quốc gia và phù hợp với thông lệ quốc tế.

4. Về chính sách dân tộc 5 năm 2021 - 2025

Trên cơ sở những mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 và thực tiễn tình hình dân tộc trên thế giới, khu vực và trong nước cho thấy, hiện nay biên giới và hải đảo nước ta là vùng có nhiều vấn đề rất đáng quan tâm trên mọi lĩnh vực, trong đó có vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc cần được nghiên cứu và giải quyết kịp thời, thấu đáo để góp phần xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh. Do đó, trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 đất nước cần huy động các nguồn lực để tập trung xây dựng *“Chiến lược Phát triển tổng thể các tộc người ở vùng biên giới và hải đảo nhằm xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”*. Gắn với Chiến lược này là thực hiện thành công *“Chương trình mục tiêu Quốc gia: Phát triển tổng thể kinh tế - xã hội các tộc người ở vùng biên giới và hải đảo nhằm xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”*.⁴

Lý do lựa chọn thực hiện chính sách dân tộc 5 năm 2021 - 2025 này là vì: Biên giới và hải đảo là vùng lãnh thổ quốc gia có vị trí vô cùng quan trọng nhưng cũng dễ xảy ra và luôn tiềm ẩn những vấn đề nhạy cảm, phức tạp liên quan đến ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và chủ quyền quốc gia. Đặc biệt, vấn đề dân tộc luôn chiếm vị trí rất quan trọng, nhất là ở các vùng biên giới trên đất liền nước ta là biên giới mở vì luôn có nhiều tộc người cùng sinh sống và thường diễn ra mạnh mẽ các mối quan hệ dân tộc liên - xuyên biên giới. Trong những năm qua, tình hình dân tộc ở vùng biên giới và liên - xuyên biên giới có nhiều vấn đề rất đáng quan tâm, cần giải quyết thấu đáo để góp phần phát triển cộng đồng quốc gia Việt Nam. Đặc biệt đáng chú ý là ở nước ta thời gian qua do hạn chế về nguồn lực nên vùng biên giới và hải đảo còn chưa được quan tâm đúng mức, hệ quả là tuy vùng này luôn được xác định là địa bàn chiến lược trọng yếu nhất của cả nước nhưng cho đến nay về cơ bản vẫn là vùng chịu nhiều khó khăn và rủi ro nhất, là vùng chậm phát triển nhất, là vùng nghèo đói nhất... của cả nước. Trong khi ở phía bên kia biên giới với nước ta, Trung Quốc đã và đang có những quyết sách lớn về chiến lược, chính sách phát triển vùng biên cương nói chung và các tộc người ở vùng biên giới của Trung Quốc nói riêng cũng như liên biên giới và xuyên quốc gia với Trung Quốc để phát triển biên giới mềm/quyền lực mềm ra bên ngoài, như: duy trì “Khu vực tự trị”; tiếp tục thực hiện các chiến lược “Hưng biên phú dân”, “Khoa giáo hưng quốc” và “Xây dựng hành lang văn hóa biên cương vạn lý”; đẩy mạnh xây dựng “Cường quốc biển” và “Một vành đai, một con đường” để “Vuon ra thế giới” nhằm thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa” là trở thành “Cường quốc thế giới”;... Còn ở Campuchia và Lào, các nước bạn cũng đang đẩy mạnh phát triển vùng biên giới, cho các doanh nghiệp của Trung Quốc thuê đất và rừng với diện tích lớn và sử dụng lâu dài dọc biên giới với nước ta,... Trên Biên Đông là vấn đề chủ quyền lãnh hải, khai thác hải sản và khoáng sản,... Các vấn đề này đã tạo ra

⁴ Lưu ý: Các tộc người và vấn đề dân tộc ở những vùng khác vẫn sẽ tiếp tục được chú ý thực hiện, giải quyết trong những chính sách phát triển kinh tế - xã hội chung và các chương trình mục tiêu quốc gia khác của đất nước.

những tác động mạnh mẽ cả tích cực và tiêu cực đến khu vực biên giới các nước láng giềng và lan ra nhiều khu vực khác, trong đó Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh nhất.

Trong khi ở các vùng biên giới nước ta hiện đang nổi lên một số vấn đề dân tộc trọng yếu sau:

* *Thứ nhất*, tình hình di chuyển và phân bố dân cư ngày càng phức tạp, trong đó đáng chú ý nhất là hình thành các cộng đồng cố kết theo dân tộc - tôn giáo, nhóm người nước ngoài cùng quốc tịch ở vùng biên giới và liên biên giới với nước ta.

* *Thứ hai*, phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng vẫn còn thiếu bền vững, nên ngày càng có nhiều người dân thuộc các TNTS ở vùng biên giới phải vượt biên sang các nước láng giềng tìm việc làm, kiếm thêm thu nhập để đảm bảo đời sống trong khi mức độ rủi ro cá nhân rất lớn, đồng thời để lại nhiều ẩn họa lâu dài cho quốc gia - dân tộc Việt Nam.

* *Thứ ba*, nguồn gốc tộc người đa dạng, quan hệ tộc người liên biên giới, xuyên quốc gia ngày càng mạnh mẽ và phức tạp, tạo ra nhiều thuận lợi nhưng cũng gây không ít trở ngại đến thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc ở vùng biên giới.

* *Thứ tư*, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các tộc người ở vùng biên giới đã được nâng cao nhưng vẫn còn ở mức thấp và chịu nhiều rủi ro so với các tộc người ở những vùng khác, nên dễ gây tâm lý so bì và hướng về phía bên kia biên giới, nhất là với đồng tộc, đồng đạo có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển hơn ở trong nước.

* *Thứ năm*, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ của các TNTS ở vùng biên giới đã phát triển cả về số lượng và chất lượng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế so với các vùng nội địa, trong khi yêu cầu thực tế đặt ra là phải có chất lượng cao hơn những vùng khác vì phải đảm nhiệm thêm chức năng tham gia quản lý và phát triển biên giới quốc gia.

* *Thứ sáu*, chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đã khá đồng bộ, toàn diện nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của các tộc người ở vùng biên giới nên khó áp dụng vào thực tiễn, hiệu quả không cao.

Vi vậy, thực hiện chính sách dân tộc 5 năm 2021 - 2025 cần tập trung vào một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu sau:

* *Một là*, tiếp tục thực hiện chính sách phát triển biên giới hòa bình, hữu nghị tốt đẹp lâu đời Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia cũng như với các nước có biên giới trên biển trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau theo các công ước và thông lệ quốc tế, phù hợp với tình hình thực tiễn của các bên liên quan.

* *Hai là*, tập trung phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với giữ vững chính trị và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng biên giới, liên kết các vùng biên giới với khu vực nội địa và liên biên giới, xuyên quốc gia. Trọng tâm là cần phát triển nguồn nhân lực, tạo ra nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập gắn với đảm bảo an sinh xã hội cho người dân có thể sống tốt ngay trên quê hương của mình; từng bước giảm dần số lượng người sang các nước láng giềng để làm thuê, nhất là qua Trung Quốc tìm kiếm việc làm dù có cải thiện được một phần đời sống trước mắt nhưng lại gặp nhiều rủi ro, bất trắc, ẩn họa lâu dài cho cá nhân và quốc gia - dân tộc.

* *Ba là*, giảm dần khoảng cách phát triển giữa các tộc người ở vùng biên giới với các vùng khác ở trong nước và bên kia biên giới, nhất là với đồng tộc, đồng đạo.

* *Bốn là*, tập trung xây dựng hành lang dân cư biên giới vững mạnh gắn liền với tăng cường an ninh quốc phòng toàn dân và củng cố biên giới lòng dân.

* *Năm là*, tăng cường phát triển văn hóa quốc gia và ý thức quốc gia Việt Nam cho các TNTS ở vùng biên giới, nhất là các tộc người có nguồn gốc từ bên kia biên giới và hội nhập vào cộng đồng quốc gia Việt Nam muộn.

* *Sáu là*, củng cố và tăng cường quản lý các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp ở vùng biên giới, liên biên giới và xuyên quốc gia, nhất là quan hệ của các tộc người ở vùng biên với quốc gia - dân tộc Việt Nam.

* *Bảy là*, tiếp tục hoàn thiện chính sách quản lý và phát triển các lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng biên giới theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh tình trạng lãng phí, hình thức, cục bộ địa phương và tộc người vừa gây phản cảm trong xã hội đồng thời làm suy giảm giá trị văn hóa, tín ngưỡng của các tộc người, của quốc gia Việt Nam.

* *Tám là*, tăng cường nghiên cứu lý luận cơ bản và ứng dụng về vùng biên giới, nhất là các vấn đề dân tộc và cộng đồng quốc gia ở vùng biên giới, liên biên giới và xuyên quốc gia gắn với xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ thực hiện hệ thống chính sách quốc gia nói chung và chính sách dân tộc ở vùng biên giới nói riêng.

Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu và tình hình thực tế của đất nước hiện nay, thời gian tới chính sách dân tộc của nước ta cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định rõ trong những văn kiện của Đảng, Nhà nước và Hiến pháp, đồng thời chú ý hơn đến một số nội dung mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn của thế giới, khu vực và đất nước. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề cốt lõi sau: *Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn để xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam thống nhất. Chính sách dân tộc là bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách quốc gia, nhiệm vụ then chốt của chính sách dân tộc là nhằm giải quyết hài hòa và phát triển các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp, đặc biệt là quan hệ của các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, để góp phần tăng cường ý thức quốc gia, tiếp tục thực hiện thành công Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, vững mạnh. Đảm bảo các tộc người được bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi quan điểm, hành vi kỳ thị dân tộc, chia rẽ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách kiến tạo cơ hội, phát huy thế mạnh tiềm năng sẵn có và huy động sức mạnh nội lực của các tộc người nhằm phát triển tổng thể, toàn diện cho các tộc người theo VÙNG, trong đó đặc biệt quan tâm đến các tộc người ở vùng biên giới, hải đảo và những nơi có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp cần có thêm sự hỗ trợ phù hợp để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn, thành công hơn trong quá trình đổi mới và hội nhập cùng đất nước.*

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo số 412/BC-CP ngày 23/9/2018 của Chính phủ về *Đánh giá 3 năm thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số miền núi (2016 - 2018)*.
2. Hoàng Hữu Bình - Phan Văn Hùng (2013), *Một số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
5. *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung mới)*, Nxb. Hồng Đức.
6. Hội đồng Dân tộc Quốc hội khóa XIII (2016), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện chính sách pháp luật giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2020 phù hợp với Hiến pháp*, Hà Nội.
7. Phạm Quang Hoan (2013), *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Minh (2017), “Về một số vấn đề dân tộc ở nước ta hiện nay và định hướng nghiên cứu, chính sách”, trong: Viện Dân tộc học, *Những vấn đề dân tộc và tộc người cơ bản, cấp bách ở nước ta hiện nay: Lý luận và thực tiễn* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Vương Xuân Tinh (2014), *Văn hóa với phát triển bền vững vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.